

Nhà thờ xứ Văn Khê

AN LÃO - HẢI PHÒNG

LÊ ĐỨC HẠNH^(*)

Nhà thờ xứ Văn Khê nằm ở xã An Thọ, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng. Xứ Văn Khê thuộc giáo phận Hải Phòng được thành lập vào thập niên đầu thế kỉ XX, khoảng năm 1916. Giáo xứ Văn Khê tính đến năm 1939 có 2.177 giáo dân, năm 1995 có 2.500 giáo dân⁽¹⁾. Giáo xứ đã qua nhiều đời coi sóc của các linh mục, hiện nay Linh mục Nguyễn Văn Hiến đang là chính xứ giáo xứ Văn Khê và kiêm nhiệm coi sóc xứ Kim Côn (An Lão - Hải Phòng). Theo Linh mục chính xứ Nguyễn Văn Hiến, năm 2007 giáo dân của xứ Văn Khê có 129 người. Nguyên nhân chủ yếu của sự thay đổi về số lượng giáo dân chủ yếu bởi giáo dân di cư vào Nam năm 1954 gần hết, ngay sau năm 1954 chỉ còn lại có 5 hộ dân. Bởi vậy, từ năm 1954 đến 1987 giáo xứ không có linh mục coi sóc. Từ năm 1987, Linh mục Nguyễn Văn Hiến được cử về coi sóc tại đây.

Thánh quan thầy của giáo xứ là Augustin.

Về sinh hoạt tôn giáo của các giáo hữu trong xứ chỉ có khoảng trên 20 người thường xuyên đến nhà thờ dự lễ hàng ngày. Đến lễ Chúa nhật có thể đông hơn, lên tới khoảng 80 giáo hữu. Ca đoàn của xứ có 12 chị em. Tháng 5 hàng năm giáo xứ vẫn tổ chức múa hát dâng hoa và cũng

chỉ có 12 em trong đội hoa của nhà thờ. Trong hát dâng hoa mặc dù phần nhạc được đệm bằng đàn oócgan nhưng các cung vắn vẫn giữ nguyên giọng cổ. Giáo xứ có hai họ lẻ là họ Hạ và họ Cốc Tràng (họ Hạ có khoảng 40 hộ, họ Cốc Tràng có khoảng 30 hộ). Mỗi họ có một ông trùm họ. Ông trùm đảm trách dạy giáo lí cho các em nhỏ khi mùa hè đến chúng không phải bắt buộc đến trường học văn hóa. Được biết Linh mục Nguyễn Văn Hiến đã có thời kì như năm 2003, gặp khó khăn trong việc lựa chọn, bầu ban hành giáo xứ, bởi lẽ những người trẻ tuổi thì đi làm ăn xa, những người cao tuổi thì chậm chạp khó đảm trách được các công việc nhà xứ giao phó. Cũng có người trung tuổi ở nhà nhưng không đủ điều kiện để làm chánh trương.

Về mặt kinh tế, ngay từ năm 2003 giáo dân trong xứ Văn Khê không có hộ thuộc diện đói, dứt bữa nữa. Đời sống kinh tế hộ gia đình giáo dân đã và đang ngày càng được cải thiện.

Về nhà thờ xứ: Nhà thờ kiến trúc theo phong cách kiểu dáng nhà thờ Nam,

*. NCV. Viện Nghiên cứu Tôn giáo.

1. *Công giáo Việt Nam sau quá trình 50 năm 1945-1995*. Công giáo và Dân tộc, tr. 168.

thuộc loại vò tây, ruột nam⁽²⁾. Lối vào khu vực nhà thờ được xây dựng theo kiểu kiến trúc tam quan tạo nên phong cách mặt tiền mang kiến trúc tam quan chùa. Cổng chính được làm đơn giản, là những cánh cửa sắt và chỉ được mở vào những ngày lễ chính của xứ. Hai cổng phụ hai bên được tạo dựng khá giống nhau gồm hai phần: phần trên là lầu gác, bốn mặt trở các cửa sổ. Cửa sổ gồm hai phần, phần trên là vòm cuốn, phần dưới là hình chữ nhật. Giữa hai tầng lầu được trang trí các phào, các trụ đỡ theo kiểu con sơn, phần dưới trở cửa ra vào hình vòm cuốn. Mái của cổng được làm theo kiểu vòm trứng, bốn góc là bốn tháp nhỏ thân hình vuông, mái tháp chia 4 phần nhô cao và khá dốc tạo thành một chóp nhọn. Nối giữa các tháp góc trên mái là hàng rào lan can được trang trí kiểu hoa chanh.

Bốn mặt của lầu dưới được trở cửa ra vào, có dạng vòm cuốn. Phía trên vòm cuốn của cổng bên phải là dòng chữ ghi niên đại Kỷ Hợi niên (năm Kỷ Hợi 1919). Những dòng chữ đó cho ta biết công trình được xây dựng vào năm 1919.

Nhà thờ xứ Văn Khê có cấu trúc theo chiều dọc, hình chữ nhật, lối đi vào đối diện với cung thánh. Mặt tiền nhà thờ được kiến trúc theo khối tháp tạo thành 3 tầng lầu. Đây cũng là tháp chuông của nhà thờ. Trên đặt một quả chuông, kiểu chuông tây có dây giật. Chuông nặng 400 kg, được đúc từ bên Pháp đưa về. Niên đại ghi trên mặt tháp chuông cho biết tháp chuông được xây dựng vào năm 1929. Qua cửa ra vào (1 cửa chính và 2 cửa phụ hai bên) là gian tiền sảnh, bên trên là gác đàn. Gác đàn nhà thờ xứ Văn Khê được làm bằng gỗ, tiếp đến là lòng nhà thờ, sau đó là cung thánh. Khác với một số nhà thờ Công giáo thường gặp,

phía sau cung thánh là gian mặc áo lễ, tại nhà thờ xứ Văn Khê gian mặc áo lễ ở sát ngay phần cung thánh, nằm ở bên phải (nhìn từ dưới lên). Nhà thờ xứ Văn Khê thuộc loại nhà thờ vò Tây, ruột Nam do tháp chuông gắn với mặt tiền nhà thờ, do vậy tầng dưới của gác chuông gọi là gian chái kiệu. Nơi đây vẫn để một bộ kiệu đã bị hỏng hóc nhiều do trước kia kiệu được giáo dân chôn dưới ao, từ khi dân di cư vào Nam năm 1954. Tuy vậy, vẫn nhận thấy những vết sơn son thếp vàng trên kiệu mà dân gian thường quen gọi là kiệu vàng.

Với lối kiến trúc vò Tây, ruột Nam, sườn nhà được kết cấu bởi các bộ *vi* làm bằng gỗ lim, một loại gỗ trong nhóm tứ thiết dùng trong xây dựng các công trình kiên cố, chống được mối mọt và các tác động của môi trường. Bộ *vi nóc*: là bộ *vi* được tạo giữa hai cột cái có kết cấu theo kiểu *vi kèo*. Các *kèo* đỡ mái trước và mái sau là 2 tấm ván gỗ dày được giao nhau nơi nóc mái đỡ *thượng lương*. Trên *cật* của các *kèo* được khoét lõm đỡ *hoành mái*, phần dạ được lượn thành các vòm hình *vỏ cua*. Trên bề mặt của các *kẻ* được chạm bông các họa tiết lá nho, và lúa nước với ý nghĩa biểu trưng cho mình và máu Chúa Giêsu. Tại điểm giao nhau đặt một *dép dọc* để đỡ *thượng lương*, đầu *dép dọc* chạm một chim bồ câu giang rộng cánh cúi xuống lòng nhà thờ. Chim bồ câu được nhắc đến trong Kinh Thánh và được khắc họa ở đây với ý nghĩa là Chúa Thánh thần, Ngôi Ba - Thánh hóa Giáo hội. Dưới *dạ thượng lương* của gian thứ nhất phần lòng nhà thờ được ghi bằng các chữ Hán với nội dung *Duy Tân bát niên tuế giáp dân xuân tam nguyệt thập bát nhật...*

2. Xem: Nguyễn Hồng Dương. *Nhà thờ Nam của Công giáo Việt Nam*. Tư liệu Viện Nghiên cứu Tôn giáo.

thời... trụ. Phần *dạ thượng lương* gian thứ hai được ghi bằng chữ Latinh *die 6 aprilis factum est anno domini 1914*. Các dòng chữ trên cho ta biết được niên đại khởi dựng của nhà thờ vào ngày 6/4 dương lịch (tức 18/3 Âm lịch năm 1914). Các hoành mái được làm bằng gỗ xẻ vuông vắn. Đây là dấu hiệu cho thêm bằng chứng nhận biết công trình được tạo dựng vào thế kỉ XX với kiểu hoành vuông. Các công trình xây dựng trước thế kỉ XX được làm theo kiểu hình trụ tròn.

Cột cái được tạo bởi một cây gỗ tròn, chu vi 1.5 m và dựng theo lối *thượng thu hạ thách*. Cột được đỡ bởi những *chân tảng* đá vôi. *Chân tảng* là một bệ vuông có cạnh là 1m. Trên mặt bệ được tạo hình bát giác dày 5 cm, tiếp theo lớp bên trong là vòng tròn có độ dày 10 cm lõm bên trong để ôm lấy chân cột vừa tạo thẩm mỹ vừa giữ chân cột khỏi xô dịch. Đỉnh cột là một đầu tròn được làm như búp sen nở đỡ *dạ* của kèo nóc.

Bộ *vi nách* là bộ vì giữa *cột cái* và *cột quân* có kết cấu theo kiểu *vi ván mê*. Một tấm ván dày được kết cấu để phần trên khoét lõm đỡ các hoành tại *vi nóc* (5 hoành). Phần dưới cũng được lượn thành vòng cung kiểu võ cua giống *vi nóc*. Bề mặt của *cốn mê* cũng được chạm nổi các họa tiết tứ quý như trúc hoá, mai hoá...

Nối giữa các cây cột cái theo hàng dọc là hệ thống *xà thượng*. Nối giữa các cột quân theo hàng dọc là *xà hạ*. Các xà này chỉ được bào xoi vỏ măng, không chạm khắc.

Toàn bộ công trình được dựng trên 28 cây cột (14 cột cái, 14 cột quân). Cột cái có chu vi là 1,5 m; cột quân nhỏ hơn một chút với chu vi 1,2m.

Bao che xung quanh nhà thờ là hệ thống tường gạch chịu lực vừa tạo sự che chắn bên vững cho công trình, vừa tạo

nên sự cách biệt giữa không gian thiêng trong lòng nhà thờ và không gian bên ngoài. Trên tường, phía trong lòng nhà thờ được treo 14 đàng thánh giá. Các đàng thánh giá được làm bằng gỗ và được sơn son thếp vàng.

Để lấy ánh sáng cho phần trong lòng nhà thờ và tạo thêm lối vào cho giáo dân mỗi khi hành lễ, trên các khoảng tường giữa các gian người ta làm các cửa ra vào. Cửa ra vào được làm theo kiểu thượng song hạ bản. Cửa sổ được làm giữa các gian, gồm hai phần, phần trên theo hình vòm cuốn. Trong còm cuốn là những ô tròn nhỏ có lắp kính để lấy ánh sáng, nhưng ngăn được gió lùa. Phần dưới vòm cuốn là hình chữ nhật.

Nền nhà phần lòng nhà thờ được lát bằng hai loại gạch là chủ yếu: gạch lát thường và gạch lát men. Gạch lát thường có kích thước 10x20x5 cm và gạch lát men kích thước 20x20x3cm. Riêng phần cung thánh được lát bằng gạch đá hoa, kích thước 30x30x 2cm.

Bên dưới bộ vì nóc ngăn giữa phần cung thánh và lòng nhà thờ là một cửa võng bằng gỗ được thếp vàng có trang trí các họa tiết mô tả dây nho với hoa lá, quả và lúa nước được chạm theo lối thông phong (hay dân gian thường gọi là chạm thủng).

Phần cung thánh nhà thờ có chiều dài là 10m, phần mái được làm theo kiểu vòm. Đây là nơi tôn nghiêm nhất trong không gian thiêng của nhà thờ. Phần cung thánh đặt một chiếc bàn hình chữ nhật gọi là bàn thờ. Phía sau bàn thờ cho thấy có hai thiên thần cầm nến. Tiếp đến là toà vàng. Phía dưới toà vàng là bậc mỡ. Ngay sát bậc mỡ có đặt *nhà tạm* là nơi để *Mình thánh chúa* được sơn son thếp vàng. Toà vàng tầng dưới có đặt tượng Chúa Giêsu ở giữa. Toà vàng phía trên có kích

thước nhỏ hơn đặt tượng Đức mẹ Maria đang bế Chúa hài đồng và tay cầm hạt mân côi. Vách cung thánh được làm bằng gỗ vàng tâm quý hiếm và cũng được sơn son thếp vàng. Vách này được làm năm 1916, bít đốc và được trang trí các hoạ tiết.

Phần nóc bên trái của cung thánh có dựng *Thánh giá nển cao* được chạm nổi các hoa sen ở phần giao nhau và phần đầu của cây thánh giá. *Thánh giá nển cao* cũng được sơn son thếp vàng. Phía trên tường ở hai bên tạo nên những vòm toà nhỏ, có đắp hoa văn và gờ trang trí, là nơi đặt tượng Thánh quan thầy Augustin và tượng Chúa Giêsu. Nơi đây cũng được trang trí dạng toà vàng, có kích thước chiều rộng khoảng 1m, chiều cao khoảng 2,5m. Hai bức tượng đều trong tư thế đứng nhìn xuống lòng nhà thờ. Đối diện với tượng Thánh quan thầy và tượng Chúa Giêsu là tượng thánh Phêrô và một pho tượng Chúa Giêsu khác. Hai tượng này được đặt trên bệ xi măng gắn trên tường ngay cửa ra vào, phía dưới gác đàn của nhà thờ. Hai tượng này ở tư thế đứng nhìn vào lòng nhà thờ. Tượng để trần, không có toà vàng hay được sơn thếp như hai pho tượng ở phần cung thánh. Tượng thánh Phêrô một tay cầm cuốn sách, một tay đã bị gãy từ phần cẳng tay trở xuống. Cả bốn pho tượng trong lòng nhà thờ xứ Văn Khê được làm bằng gỗ vàng tâm. Theo chúng tôi, đây là một trong những tượng quý hiếm của nhà thờ xứ An Khê, bởi chính chất liệu gỗ tạc nên các pho tượng này.

Mặt sau của nhà thờ được trở bốn cửa ra vào nhưng nay đã bị bít hai cửa, hai cửa còn lại dẫn lên hành lang của nhà thờ. Trên bức tường phía sau này được trang trí các bức tranh miêu tả các sự tích liên quan tới Chúa Giêsu, ví dụ như Chúa Giêsu lúc sơ sinh, các thiên thần ca hát... Phía trên cao có 6 tháp vuông chóp

nhọn chia đều ra hai bên, chính giữa là thánh giá. Được biết bức tường này được hoàn thành vào năm 1916.

Bao quanh nhà thờ xứ Văn Khê người ta vẫn còn thấy đường kiểu được lát gạch rộng khoảng 3m.

Phía sau nhà thờ là nhà xứ. Nhà xứ được xây bằng các chất liệu thông dụng như gạch, cát, xi măng, mái đổ bê tông kiểu mái bằng 1 tầng. Đây là nơi ở của linh mục và là phòng tiếp khách.

Như vậy, có thể thấy nhà thờ xứ Văn Khê được khởi công xây dựng vào năm 1914 và đến 1916 thì cơ bản hoàn thành. Phần lầu bên ngoài xây dựng muộn hơn (năm 1919), và phần tháp chuông được xây sau đó 10 năm (năm 1929). Theo chúng tôi có thể nhà thờ lúc đầu được làm toàn bằng gỗ với 6 hàng cột: cột cái, cột quân và cột con. Về sau bỏ hàng cột con phía ngoài hành lang và xây tường bao quanh. Nguyên nhân làm cho các hạng mục của công trình được làm vào những thời điểm khác nhau như vậy có thể là do kinh phí hạn hẹp nên không thể làm cùng một lúc được.

Nhà thờ xứ Văn Khê có thể nói là một trong những nhà thờ cổ ở Việt Nam. Nơi đây còn nhiều dấu tích ghi lại quá trình phát triển của đạo Công giáo những năm đầu thế kỉ XX với sự hội nhập, giao thoa về văn hoá với tôn giáo, tín ngưỡng khác ở đất Việt. Có thể thấy rõ điều đó qua bộ kiệu cổ, các văn cổ khi múa hát dâng hoa, các hoa sen và bộ tứ quý được chạm trong nhà thờ. Công nhà thờ cũng được mô phỏng theo lối tam quan chùa. Ở đây các nghệ nhân đã biết kết hợp giữa lối kiến trúc thông thường của người Việt với các tích trong Kinh Thánh để tạo nên sự hoà nhập về văn hoá, về kiến trúc. Nhà thờ xứ Văn Khê cần được bảo vệ như một di sản văn hoá Nam./.